

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114/QĐ-UBND

Nghĩa Hải ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai thu, chi ngân sách
quí II năm 2024 của xã Nghĩa Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHĨA HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Nghĩa Hưng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Hải về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Nghĩa Hải năm 2024.

Xét đề nghị của Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý II năm 2024 của UBND xã Nghĩa Hải (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND và công tác nội vụ, Tài chính – Kế toán và các ngành liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VT, TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA HẢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~17~~ /TB-UBND

Nghĩa Hải, ngày 05 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

“V/v công khai kết quả thu, chi quý II năm 2024 xã Nghĩa Hải”

- Kính gửi:**
- Đảng uỷ – HĐND xã Nghĩa Hải
 - Các tổ chức chính trị - xã hội xã Nghĩa Hải
 - Các đồng chí xóm trưởng của 14 xóm
 - Cán bộ và nhân dân trong toàn xã

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ luật NSNN số 83/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Nghĩa Hưng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Hải về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Nghĩa Hải năm 2024.

Căn cứ quyết định số ~~114~~ /QĐ-UBND ngày 5/7/2024 của UBND xã Nghĩa Hải về việc công bố, công khai số liệu thu, chi Ngân sách nhà nước quý II năm 2024 xã Nghĩa Hải;

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hải thông báo công khai kết quả thu, chi quý II năm 2023 cụ thể như sau:

1, Nội dung công khai: Kết quả thu, chi quý II năm 2024 xã Nghĩa Hải.

4. Cân đối ngân sách xã quý II năm 2024
5. Thực hiện Thu Ngân sách xã quý II năm 2024
6. Thực hiện Chi ngân sách xã quý II năm 2024

2, Thời gian công khai. 30 ngày (Bắt đầu từ ngày 05 tháng 7 năm 2024 đến ngày 05 tháng 8 năm 2024)

3, Địa điểm và hình thức công khai: Đăng tải trên trang thông tin điện tử xã, Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh và nhà văn hóa và 14 xóm xã Nghĩa Hải

4, Trong thời gian công khai Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị đoàn thể và nhân dân có quyền chất vấn các nội dung thực hiện công khai của UBND xã.

Sau khi nhận được các nội dung chất vấn, tùy theo từng nội dung liên quan đến việc chất vấn UBND xã có thể trả lời trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản.

Nay uỷ ban nhân dân xã Nghĩa Hải thông báo để các tổ chức, cán bộ và nhân dân trong toàn xã biết để giám sát việc công khai theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT đảng uỷ - HĐND xã;
- Các đoàn thể;
- Đài truyền thanh xã;
- Các ông trưởng xóm;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiền

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	12.482.331.000	6.994.687.223	56,04
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	1.775.271.000	160.859.200	9,06
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.168.200.000	655.137.023	20,68
3	Thu bổ sung	7.538.860.000	6.178.691.000	81,96
	- Bổ sung cân đối ngân sách		1.860.000.000	
	- Bổ sung có mục tiêu		4.318.691.000	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	12.482.331.000	2.494.608.850	19,99
1	Chi đầu tư phát triển	3.600.000.000	231.159.763	6,42
2	Chi thường xuyên	8.688.867.000	2.263.449.087	26,05
3	Dự phòng	193.464.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Nghĩa Hải

Biểu số 115/CK TC - NSNN
ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	3	4	5	6	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	12.482.331.000	3.600.000.000	8.882.331.000	8.882.331.000	2.494.608.850	231.159.763	2.263.449.087	2.263.449.087	19,99	6,42	25,48
	Trong đó:											
	A. Chi thường xuyên											
	B. Chi đầu tư xây dựng cơ bản		3.600.000.000									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.156.663.000		1.156.663.000	1.156.663.000	251.551.400		251.551.400	251.551.400	21,75		21,75
	Chi dân quân tự vệ	373.748.000		373.748.000	373.748.000	103.987.400		103.987.400	103.987.400	27,82		27,82
2	Chi trật tự an toàn xã hội	782.915.000		782.915.000	782.915.000	147.564.000		147.564.000	147.564.000	18,85		18,85
3	Chi giáo dục	122.000.000		122.000.000	122.000.000	179.604.763	161.904.763	17.700.000	17.700.000	147,22		14,51
4	Chi đào tạo	22.000.000		22.000.000	22.000.000	2.000.000		2.000.000	2.000.000	9,09		9,09
5	Chi y tế	67.452.000		67.452.000	67.452.000	31.940.000		31.940.000	31.940.000	47,35		47,35
6	Chi văn hóa, thông tin	133.329.000		133.329.000	133.329.000	49.550.000		49.550.000	49.550.000	37,16		37,16
7	Chi phát thanh, truyền thanh	49.452.000		49.452.000	49.452.000	7.938.000		7.938.000	7.938.000	16,05		16,05
8	Chi thể dục, thể thao	30.000.000		30.000.000	30.000.000	16.300.000		16.300.000	16.300.000	54,33		54,33
9	Chi bảo vệ môi trường	100.000.000		100.000.000	100.000.000	6.425.000		6.425.000	6.425.000	6,43		6,43
	Chi các hoạt động kinh tế	758.000.000		758.000.000	758.000.000	206.234.227		136.979.227	136.979.227	27,21		18,07
	Giao thông	78.000.000		78.000.000	78.000.000	60.727.000		5.535.000	5.535.000	77,86		7,10
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	130.000.000		130.000.000	130.000.000	61.827.000		47.764.000	47.764.000	47,56		36,74
	Địa chính- Thị Chính	550.000.000		550.000.000	550.000.000	83.680.227		83.680.227	83.680.227	15,21		15,21
	Thương mại, du lịch											
	Tái định cư											
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.915.951.000		5.915.951.000	5.915.951.000	1.675.696.140		1.675.696.140	1.675.696.140	28,33		28,33
	Quản lý Nhà nước	3.367.342.000		3.367.342.000	3.367.342.000	1.014.950.790		1.014.950.790	1.014.950.790	30,14		30,14
	Đảng Cộng sản Việt Nam	951.122.000		951.122.000	951.122.000	305.990.750		305.990.750	305.990.750	32,17		32,17
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	591.099.000		591.099.000	591.099.000	135.692.550		135.692.550	135.692.550	22,96		22,96
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	236.754.000		236.754.000	236.754.000	63.853.300		63.853.300	63.853.300	26,97		26,97
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	243.215.000		243.215.000	243.215.000	49.461.750		49.461.750	49.461.750	20,34		20,34

[illegible]



UBND Xã: Nghĩa Hải

Biểu số 114/CK TC - NSNN
ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
A	B								
	Tổng số thu	18.390.131.000	12.482.331.000	7.731.814.370	6.994.687.223		56,04		
I	Các khoản thu 100%	1.775.271.000	1.775.271.000	160.859.200	160.859.200		9,06		
1	Phí, lệ phí	19.590.000	19.590.000	2.480.000	2.480.000		12,66		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	240.981.000	240.981.000	20.410.000	20.410.000		8,47		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	1.200.000.000	1.200.000.000	80.400.000	80.400.000	6,70			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	314.700.000	314.700.000	57.569.200	57.569.200	18,29			
1	Các khoản thu phân chia	9.076.000.000	3.168.200.000	1.392.264.170	655.137.023	15,34			
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	316.000.000	221.200.000	114.617.795	80.322.459	36,27			
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	16.000.000	11.200.000	437.415	306.191	2,73			
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh								
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất								
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	300.000.000	210.000.000	113.880.380	79.716.268	37,96			
2.1	Thu tiền sử dụng đất	8.760.000.000	2.947.000.000	1.277.646.375	574.814.564	14,59			
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	8.000.000.000	2.400.000.000	803.056.500	240.916.950	10,04			
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế giá trị gia tăng								
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.000.000	50.000.000	5.615.667	5.615.667	11,23			
2.6	Thuế thu nhập cá nhân								
2.7	Thu thuế nộp chậm theo tỷ lệ điều tiết	710.000.000	497.000.000	468.974.208	328.281.947	66,05			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
A	B	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
VI		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.538.860.000	7.538.860.000	6.178.691.000	6.178.691.000	81,96	81,96
2	Thu bổ sung cân đối			1.860.000.000	1.860.000.000		
	Thu bổ sung có mục tiêu			4.318.691.000	4.318.691.000		